

Thực trạng và giải pháp bố trí ổn định dân cư phòng chống thiên tai vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La

Khuong Manh Ha¹, Tran Thi Hien¹, Do Thi Lan Anh¹, Pham Quoc Thang¹, Than Thi Huyen¹, Phan Le Na¹, Nong Huu Tung¹, Ha Van Chin², Xuan Thi Thu Thao^{3*}

¹Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

²Học viện Dân tộc

³Trường Đại học Lâm nghiệp

Current situation and solutions for disaster-prevention population stabilization in ethnic minority areas of Son La province

Khuong Manh Ha¹, Tran Thi Hien¹, Do Thi Lan Anh¹, Pham Quoc Thang¹, Than Thi Huyen¹, Phan Le Na¹, Nong Huu Tung¹, Ha Van Chin², Xuan Thi Thu Thao^{3*}

¹Bac Giang Agriculture and Forestry University

²Vietnam Academy for Ethnic Minorities

³Vietnam National University of Forestry

*Corresponding author: thaottt@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.15.2.2026.074-084>

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng công tác bố trí ổn định dân cư tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 đến tháng 5 năm 2025, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện. Phương pháp nghiên cứu bao gồm: thu thập tài liệu thứ cấp; điều tra khảo sát bằng bảng hỏi đối với 90 cán bộ các cấp và 200 hộ dân; thống kê mô tả; tổng hợp, phân tích số liệu; đánh giá bằng thang đo Likert nhằm xác định mức độ phù hợp và tác động của phương án bố trí dân cư đến đời sống và sinh kế của người dân. Kết quả cho thấy tỉnh Sơn La đã triển khai 64 dự án, hoàn thành 33 dự án và bố trí ổn định cho 1.351 hộ dân, đạt 52,9% kế hoạch, chủ yếu theo hình thức bố trí tập trung. Hạ tầng thiết yếu được đầu tư tương đối đầy đủ, đời sống và sinh kế của người dân sau tái định cư có cải thiện, song hiệu quả thực hiện vẫn chịu ảnh hưởng bởi hạn chế về đất sản xuất, tiếp cận vốn, khoa học kỹ thuật và năng lực cán bộ cơ sở. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai.

ABSTRACT

This study aims to assess the current status of population resettlement and stabilization in areas frequently affected by natural disasters in ethnic minority and mountainous areas (EM&MCs) in Son La province during the period 2021–May 2025, and to propose solutions to enhance implementation effectiveness. The research methods include secondary data collection; questionnaire-based surveys of 90 officials at different administrative levels and 200 households; descriptive statistical analysis; data synthesis and analysis; Likert-scale assessment to determine the appropriateness and impacts of resettlement schemes on residents' living conditions and livelihoods. The results show that Son La Province has implemented 64 resettlement projects, of which 33 have been completed, providing stable resettlement for 1,351 households and achieving 52.9% of the planned target, primarily through centralized resettlement models. Essential infrastructure has been relatively well developed, and the living standards

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/10/2025

Ngày phản biện: 30/12/2025

Ngày quyết định đăng: 21/01/2026

Từ khóa:

Bố trí dân cư, dân tộc thiểu số, Sơn La, thiên tai.

Keywords:

Ethnic minorities, natural disasters, population stabilization, Son La.

and livelihoods of resettled households have improved. However, implementation effectiveness remains constrained by limitations in productive land availability, access to financial resources, application of science and technology, and the capacity of grassroots-level officials. Based on these findings, the study proposes a set of solutions aimed at improving the effectiveness and sustainability of population resettlement and stabilization in disaster-prone areas.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia có nhiều thành phần dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chủ yếu cư trú ở các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu và vùng xa – những nơi có địa hình phức tạp, chia cắt mạnh. Đây là những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, đây cũng là nơi thường xuyên xảy ra thiên tai và dễ bị tổn thương. Vùng đồng bào DTTS&MN đã và đang là “lõi nghèo của cả nước” với thu nhập của hộ đồng bào DTTS nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực; tỷ lệ dân số DTTS chiếm 14,7% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 55,27% tổng số hộ nghèo của cả nước [1].

Thiên tai đang gây nhiều tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là các hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhóm đồng bào các DTTS&MN nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ở Việt Nam [2-4]. Thiên tai làm hạn chế các nguồn thu nhập tại địa phương, ví dụ giảm diện tích đất canh tác từ đó giảm nguồn thu nhập [5]. Không chỉ nhân mạng bị mất mà sinh kế ở vùng núi cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc bị hủy hoại do thiên tai, vì vậy kiến thức tổng hợp về rủi ro thiên tai nên được định hướng đồng thời với kiến thức về sản xuất, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và truyền thông rủi ro đầy đủ [6]. Khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng các DTTS được hình thành và phát triển dựa trên 7 yếu tố cơ bản sau: (1) Phong tục, luật tục và tập quán xã hội vốn có trong xã hội; (2) Tín ngưỡng, lễ hội và văn học nghệ thuật; (3) Vốn tri thức truyền thống; (4) Chính sách dân tộc và vai trò của chính quyền địa phương; (5) Quy

hoạch và phân bố dân cư; (6) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; (7) Phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản và phụ nữ [7].

Sơn La là tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng rất lớn đến sinh kế, đời sống của đồng bào DTTS trên địa bàn và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh [8]. Trong nhiều năm qua, chính quyền các cấp của tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về công tác quy hoạch bố trí ổn định dân cư phòng tránh thiên tai, ổn định cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, bên cạnh các kết quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập do các nguyên nhân khác nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư địa bàn hay xảy ra thiên tai vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh là rất cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Thu thập tài liệu, số liệu về dân cư đồng bào DTTS&MN và kết quả thực hiện bố trí ổn định dân cư đồng bào DTTS&MN trên địa bàn hay xảy ra thiên tai; các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Dân tộc, UBND các cấp... về bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS&MN trên địa bàn hay xảy ra thiên tai.

Thu thập kết quả các nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến quy hoạch, bố trí ổn định dân cư địa bàn hay xảy ra thiên tai vùng DTTS&MN.

2.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Điểm nghiên cứu được lựa chọn dựa trên các tiêu chí: (i) mức độ chịu ảnh hưởng của thiên tai; (ii) số lượng hộ thuộc diện bố trí ổn định dân cư; (iii) tính đại diện về điều kiện tự nhiên – xã hội của vùng đồng bào DTTS&MN; (iv) đề xuất của cán bộ chuyên môn cấp tỉnh và huyện. Theo đó, 4 xã Chiềng Lao, Ngọc Chiến, Chiềng Khay và Mường Giôn được chọn làm mẫu đại diện cho hai huyện Mường La và Quỳnh Nhai trước đây thuộc tỉnh Sơn La. Đây là các xã điển hình trong tình thực hiện chương trình bố trí ổn định dân cư địa bàn hay xảy ra thiên tai vùng đồng bào DTTS&MN

2.3. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Tiến hành phỏng vấn các đối tượng có liên quan đến công tác bố trí ổn định dân cư các cấp và người dân thuộc diện bố trí dân cư bằng bộ câu hỏi soạn sẵn, cụ thể:

- Đối với cán bộ: Năm 2024, tại thời điểm chưa sáp nhập các tỉnh, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 90 phiếu, bao gồm cán bộ cấp tỉnh 10 phiếu (Sở Tài nguyên & Môi trường; Ban Dân tộc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), cấp huyện 5 phiếu/huyện (Phòng Nông nghiệp, Phòng Dân tộc, Phòng Kinh tế Hạ tầng; Phòng Tài nguyên và Môi trường); người làm công tác bố trí dân cư các xã (bao gồm các thôn) 15 phiếu/xã. Thông tin thu thập gồm: việc tham gia ý kiến, tập huấn, bồi dưỡng về công tác bố trí ổn định dân cư; mức độ phù hợp, chấp hành của người dân, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả bố trí ổn định dân cư...

- Đối với hộ gia đình: Tiến hành điều tra 50 hộ gia đình/xã thuộc diện đồng bào DTTS&MN đã được bố trí dân cư hoặc trong diện được bố trí ổn định dân cư. Thông tin thu thập gồm: việc tham gia đóng góp ý kiến, mức độ phù hợp, đáp ứng về cơ sở hạ tầng, tác động của phương án bố trí ổn định dân cư; tính công khai, minh bạch và tiếp nhận thông tin...

2.4. Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu

Các tài liệu, số liệu thu thập được tổng hợp, xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả trên phần mềm Excel. Các chỉ tiêu định lượng được tính toán (trung bình, tỷ lệ phần trăm...) và kiểm tra tính hợp lý so với tổng thể nhằm đảm bảo độ tin cậy. Đối với dữ liệu khảo sát định tính, tiến hành phân loại nhóm theo chủ đề và tổng hợp theo phương pháp so sánh. Kết quả phân tích thống kê được sử dụng làm căn cứ đưa ra các nhận định, đánh giá về những kết quả đạt được cũng như các tồn tại, hạn chế trong công tác bố trí ổn định dân cư, từ đó thảo luận nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục.

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để lượng hóa một số đánh giá chủ quan (mức độ hài lòng, mức độ phù hợp, mức độ tác động của phương án bố trí dân cư đến đời sống và phong tục tập quán của người dân...), sau đó tính giá trị trung bình làm căn cứ đánh giá, đưa ra nhận định và kết luận, cụ thể: Mức độ (1) Rất cần thiết/Rất hài lòng/Rất tốt/Rất tích cực/Rất phù hợp/Rất quan trọng: 5 điểm; Mức độ (2) Cần thiết/Hài lòng/Tốt/Tích cực/Phù hợp/Quan trọng: 4 điểm; Mức độ (3) Trung bình/Ít phù hợp: 3 điểm; Mức độ (4) Không cần thiết/Không hài lòng/Kém/Không tích cực/Không phù hợp/Không quan trọng: 2 điểm; Mức độ (5) Rất không cần thiết/Rất không hài lòng/Rất kém/Rất không tích cực/Rất không phù hợp/Rất không quan trọng: 1 điểm. Phân cấp đánh giá được tính toán theo nguyên tắc:

- Xác định giá trị thấp nhất (Min) và giá trị cao nhất (Max) trong mỗi dãy số quan sát.

- Tính độ lớn khoảng chia $a = (Max - Min)/n$ (trong đó n là bậc của thang đo).

Trường hợp sử dụng thang đo 5 bậc được xác định như sau: (1) Rất lớn: $\geq (min + 4a)$; (2) Lớn: $(min + 3a)$ đến $< (min + 4a)$; (3) Trung bình: $(min + 2a)$ đến $(min + 3a)$; (4) Nhỏ: $(min + a)$ đến $(min + 2a)$; (5) Rất nhỏ: $< (min + a)$. Kết quả xác định được thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1. Phân cấp mức độ đánh giá sự ảnh hưởng áp dụng theo thang đo Likert

TT	Mức độ ảnh hưởng	Phân cấp mức độ ảnh hưởng
1	Rất lớn	$\geq 4,20$
2	Lớn	3,40 – 4,19
3	Trung bình	2,60 – 3,39
4	Nhỏ	1,80 – 2,59
5	Rất nhỏ	$< 1,80$

Nguồn: [9]

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư

- Kết quả thực hiện các dự án bố trí ổn định dân cư: Giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 5/2025, tỉnh Sơn La được phê duyệt 64 dự án với mục tiêu bố trí 2.554 hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai. Đến tháng 5/2025, tỉnh đã bố trí được 1.351 hộ dân, đạt 52,90% kế hoạch, đồng thời triển khai 33/64 dự án, tương ứng 51,56%. Kết quả này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi Sơn La là một trong những địa phương thường xuyên hứng chịu thiên tai khốc liệt, nhất là lũ quét và sạt lở đất.

- Kết quả số hộ được bố trí ổn định dân cư: Xét theo tiến độ hằng năm mỗi năm Sơn La chỉ bố trí được khoảng 180–223 hộ, trung bình gần 200 hộ/năm. Tiến độ này khá khiêm tốn, khiến mục tiêu chung khó đảm bảo. Tuy nhiên, riêng trong 5 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đã thực hiện được 618 hộ, chiếm gần 46% tổng kết quả của cả giai đoạn.

*Về hình thức bố trí ổn định dân cư: Toàn bộ các dự án bố trí ổn định dân cư đều thực hiện theo phương thức tập trung. Việc thực hiện bố trí ổn định dân cư theo hướng tập trung tuy có ưu điểm trong quản lý và đầu tư hạ tầng, song gây áp lực lớn về quỹ đất, cơ sở hạ tầng và nguồn lực đầu tư, đồng thời thiếu sự linh hoạt để phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn (Bảng 3).

*Về cơ sở hạ tầng tại các dự án bố trí ổn định dân cư: Trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2025, tỉnh Sơn La đã triển khai nhiều hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ tái định

cư vùng thiên tai, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như: giao thông, điện, nước sinh hoạt và san gạt mặt bằng. Hạ tầng giao thông và điện, toàn tỉnh đã xây dựng được 73,081 km đường giao thông và 75,092 km đường dây điện hạ thế, đồng thời đưa vào sử dụng 33 trạm biến áp, xây dựng được 33 công trình cấp nước tập trung và 1.351 giếng (bể nước). Toàn tỉnh mới xây dựng được 9 phòng học, 2 nhà văn hóa, trong khi chưa có trạm y tế nào được triển khai. Điều này phản ánh sự mất cân đối giữa đầu tư hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước) và hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa).

*Về kết quả sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình bố trí ổn định dân cư: Tổng nguồn vốn bố trí cho các dự án ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La là 632.525 triệu đồng. Đến hết tháng 5 năm 2025, tỉnh đã giải ngân được 631.902 triệu đồng, đạt 99,9% kế hoạch. Kết quả này cho thấy việc sử dụng vốn cơ bản đã hoàn thành mục tiêu, đảm bảo nguồn lực phục vụ công tác bố trí ổn định dân cư (Bảng 3).

*Về kết quả thực hiện các chính sách bố trí ổn định dân cư: Các chính sách trong công tác bố trí ổn định dân cư gồm: giao đất ở, đất sản xuất; hỗ trợ di chuyển nhà ở; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ sản xuất; hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp và việc làm.

Toàn bộ các hộ trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2025 đã được cấp đất ở tại các điểm tái định cư tập trung (với tổng số 21 điểm), diện tích đất ở bình quân đạt 255 m²/hộ. Diện tích này đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở

an toàn, có không gian sinh hoạt và sản xuất phụ gia đình (vườn hộ), tuy nhiên vẫn thấp hơn định mức trong định hướng quy hoạch (~350 m²/hộ) do điều kiện địa hình miền núi Sơn La. 100% số hộ đã có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên đất được giao, an toàn trước nguy cơ lũ quét, sạt lở. Tuy nhiên, việc bố trí đất sản xuất cho các hộ còn hạn chế do quỹ đất địa phương

eo hẹp bởi địa hình chia cắt. 100% hộ dân thuộc diện di dời đều được nhận kinh phí vận chuyển và làm nhà ở mới với mức hỗ trợ tối thiểu 30 triệu đồng/hộ. Hạ tầng thiết yếu đã cơ bản đáp ứng nhu cầu trước mắt của người dân vùng tái định cư, nhưng chưa thật sự hoàn thiện về lâu dài (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả xây dựng các công trình hạ tầng tại các dự án bố trí ổn định dân cư địa bàn hay xảy ra thiên tai tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

TT	Danh mục	ĐVT	Thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 5/2025
1	Giao thông	Km	73,081	8,831	12	14	14,25	24
2	Thuỷ lợi	C. trình	-	-	-	-	-	-
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung	C. trình	33	4	5	5	4	15
4	Hệ thống thoát nước	C. trình	-	-	-	-	-	-
5	Giếng (bể)	Cái	1.351	180	190	185	178	618
6	Trạm biến áp	Trạm	33	4	5	5	4	15
7	Đường dây điện hạ thế	Km	75,092	7,132	10,903	12,034	15,023	30
8	Trường lớp học	Phòng	9	-	5	-	4	-
9	Trạm y tế	C. trình	-	-	-	-	-	-
10	Nhà văn hoá	C. trình	2	-	-	-	-	2
11	San gạt mặt bằng khu TĐC	1000m ³	2.692,7	221,0	362,2	405,3	504,1	1.200,0

Nguồn: [8]

Các chính sách hỗ trợ sản xuất như tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, cung cấp vật tư nông nghiệp, tiếp cận vay vốn tín dụng ưu đãi nhằm hướng tới giúp người dân tái định cư khôi phục, phát triển sinh kế trên vùng đất mới, đa dạng hóa sinh kế phù hợp phong tục, tập quán với mục tiêu giúp các hộ tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững sau tái định. Kết quả cho thấy thu nhập bình quân hộ tái định cư địa bàn hay xảy ra thiên tai ở Sơn La đã đạt ~105 triệu đồng/năm (2021-2025), tăng so với trước khi di dời.

Công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho người dân tái định cư địa bàn hay xảy ra thiên tai ở Sơn La còn hạn chế và chưa có chương trình riêng nổi bật. Đa số các hộ dân sau khi di dời vẫn duy trì

sản xuất nông nghiệp, chưa có nhu cầu chuyển hẳn sang nghề phi nông nghiệp. Hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp và việc làm hiện vẫn là khâu yếu trong triển khai chương trình bố trí ổn định dân cư tại Sơn La.

3.2. Thực trạng đời sống, sản xuất của người dân vùng tái định cư

Trong bối cảnh tỉnh Sơn La thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, việc triển khai các dự án bố trí ổn định dân cư không chỉ nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho người dân mà còn hướng đến mục tiêu cải thiện toàn diện chất lượng cuộc sống, tạo nền tảng phát triển kinh tế – xã hội bền vững cho vùng đồng bào DTTS&MN.

Bảng 3. Kết quả thực hiện các dự án bố trí dân cư tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

TT	Danh mục	Kế hoạch bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 (hộ)	Thực hiện bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 (hộ)	Trong đó (hộ)					Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 5/2025	
I	Tổng số hộ bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai	2554	1351	180	190	220	223	618	52,90
1	Tập trung	2554	1351	180	190	185	178	618	52,90
2	Xen ghép	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Ổn định tại chỗ	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai	64	33	8	3	4	8	10	51,56
1	Tập trung	64	33	8	3	4	8	10	51,56
2	Xen ghép	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Ổn định tại chỗ	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Vốn thực hiện các dự án của Chương trình Bố trí dân cư vùng thiên tai	632.525	631.902	50.940	58.400	80.205	113.705	328.652	
1	Ngân sách Trung ương	300.900	293.998	10.000	9.998	32.000	65.000	177.000	97,71
1.1	Vốn đầu tư phát triển	300.900	293.998	10.000	9.998	32.000	65.000	177.000	97,71
1.2	Vốn hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách bố trí dân cư (hỗ trợ trực tiếp cho hộ di dân)	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách địa phương	331.625	337.904	40.940	48.402	48.205	48.705	151.652	101,89
2.1	Vốn đầu tư phát triển	331.625	337.904	40.940	48.402	48.205	48.705	151.652	101,89
2.2	Vốn hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách bố trí dân cư (hỗ trợ trực tiếp cho hộ di dân)	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: [8]

Bảng 4. Một số chỉ tiêu tại các dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 – 2025

TT	Danh mục	ĐVT	BQ giai đoạn 2021- 2025	Chia ra				Tháng 5/ 2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
1	Diện tích đất ở BQ	m ² /hộ	255	240	225	260	270	250
2	Diện tích đất nông nghiệp BQ	ha/hộ	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1
3	Diện tích đất lâm nghiệp BQ	ha/hộ	1,016	1,01	1,01	1,02	1,02	1,02
4	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch	(%)	100	100	100	100	100	100
5	Tỷ lệ hộ có điện sinh hoạt	(%)	100	100	100	100	100	100
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	(%)	31	35	33	31	29	27
7	Tỷ lệ hộ có nhà kiên cố, bán kiên cố	(%)	100	100	100	100	100	100
8	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	(%)	96	95	97	96	96	97
9	Thu nhập BQ/hộ	triệu đồng/hộ	105	90	100	110	120	130

Nguồn: [8]

Số liệu Bảng 4 cho thấy, sau khi tái định cư diện tích đất ở bình quân đạt 255 m²/hộ, dao động từ 225 - 270 m² qua các năm. Diện tích đất nông nghiệp bình quân đạt ổn định 2,1 ha/hộ, đảm bảo điều kiện sản xuất lâu dài. Tỷ lệ các hộ sử dụng nước sạch và điện sinh hoạt đều đạt 100%. Toàn bộ hộ dân tại các điểm tái định cư đã có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố góp phần giảm đáng kể rủi ro sạt lở, lũ quét ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng và tài sản. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường dao động từ 95 - 97%, số ít còn lại không đến trường là do điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức về vai trò giáo dục hoặc khoảng cách địa lý tới

trường học. Thu nhập bình quân hộ dân có sự cải thiện đáng kể, từ 90 triệu đồng/hộ năm 2022 tăng lên 130 triệu đồng/hộ năm 2025, với mức bình quân giai đoạn đạt 105 triệu đồng/hộ/năm. Tổng hợp các chỉ tiêu giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, công tác bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở Sơn La đã đem lại những kết quả rõ rệt trên nhiều phương diện.

3.3. Đánh giá công tác bố trí ổn định dân cư thông qua ý kiến cán bộ, người dân

Kết quả khảo sát ý kiến cán bộ và người dân về công tác bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Sơn La thể hiện qua Bảng 5 và Bảng 6.

Bảng 5. Tổng hợp ý kiến cán bộ về công tác bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh

TT	Tiêu chí	Cấp tỉnh, huyện		Cấp xã, thôn	
		SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)	SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Có tham gia tập huấn về công tác quy hoạch, bố trí ổn định dân cư không?	30	100	60	100
	Có	5	16,7	7	11,7
	Không	25	83,3	53	88,3
2	Có được tham quan, học tập các mô hình quy hoạch, bố trí ổn định dân cư ở các địa phương khác không?	30	100	60	100
	Có	26	86,7	35	58,3
	Không	4	13,3	25	41,7
3	Ông/bà có tham gia ý kiến xây dựng các phương án quy hoạch, bố trí ổn định dân cư không?	30	100	60	100
	Có	23	76,7	60	100
	Không	7	23,3	0	0

TT	Tiêu chí	Cấp tỉnh, huyện		Cấp xã, thôn	
		SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)	SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)
4	Hình thức quy hoạch bố trí ổn định dân cư đang áp dụng tại địa phương	30	100	60	100
	Tập trung	30	100,0	60	100,0
	Xen ghép	0	0,0	0	0,0
	Tại chỗ	0	0,0	0	0,0
	Cả 3 hình thức trên	0	0,0	0	0,0
5	Khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng địa phương	30	100	60	100
	Rất tốt	6	20,0	8	13,3
	Tốt	9	30,0	16	26,7
	Trung bình	13	43,3	25	41,7
	Kém	2	6,7	9	15,0
	Rất kém	0	0,0	2	3,3
	Mức độ trung bình	3,63		3,32	
6	Mức độ phù hợp của phương án bố trí ổn định dân cư với phong tục tập quán địa phương	30	100	60	100
	Rất phù hợp	12	40,0	17	0
	Phù hợp	14	46,7	36	0
	Ít phù hợp	4	13,3	7	11,7
	Không phù hợp	0	0,0	0	60,0
	Rất không phù hợp	0	0,0	0	28,3
	Mức độ trung bình	4,27		4,17	
7	Mức độ chấp hành của người dân thực hiện việc bố trí ổn định dân cư phòng tránh thiên tai	30	100	60	100
	Rất hưởng ứng	3	10,0	5	8,3
	Hưởng ứng	12	40,0	20	33,3
	Chấp hành	15	50,0	35	58,3
	Không chấp hành	0	0,0	0	0,0
	Rất không chấp hành	0	0,0	0	0,0
	Mức độ trung bình	3,60		3,50	
8	Lý do người dân chưa thực sự hài lòng về phương án quy hoạch bố trí ổn định dân cư	30	100	60	100
	Không phù hợp với phong tục tập quán	6	20,0	12	20,0
	Không phù hợp văn hóa	3	10,0	8	13,3
	Thiếu đất sản xuất, bố trí đất sản xuất chưa phù hợp	9	30,0	19	31,7
	CSHT chưa đảm bảo	9	30,0	14	23,3
	Chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ sản xuất còn hạn chế	2	6,7	5	8,3
	Khác	1	3,3	2	3,3
9	Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn	30	100	60	100
	Nguồn kinh phí	17	56,7	27	45,0
	Trình độ nhận thức của đồng bào DTTS	4	13,3	15	25,0
	Đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của địa phương	3	10,0	7	11,7
	Chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất	4	13,3	7	11,7
	Khác	2	6,7	4	6,7

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra.

Bảng 6. Tổng hợp ý kiến người dân về công tác bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh

TT	Tiêu chí	SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)	TT	Tiêu chí	SL (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Tại địa phương có thực hiện quy hoạch bố trí ổn định dân cư không?	200	100	5	Ông/bà có tham gia ý kiến vào phương án bố trí ổn định dân cư không?	200	100
	Có	200	100		Có	78	39,0
	Không	0	0		Không	122	0,61
2	Mức độ phù hợp của phương án với phong tục tập quán địa phương	200	100	6	Phương án bố trí đất sản xuất nông, lâm nghiệp	200	100
	Rất phù hợp	65	32,5		Rất phù hợp	12	1,0
	Phù hợp	105	52,5		Phù hợp	104	2,5
	Ít phù hợp	30	15,0		Ít phù hợp	77	38,5
	Không phù hợp	0	0		Không phù hợp	5	52,0
	Rất không phù hợp	0	0		Rất không phù hợp	2	6,0
Mức độ trung bình		4,18		Mức độ trung bình		3,60	
3	Mức độ đáp ứng của các biện pháp hỗ trợ về cơ sở hạ tầng	200	100	7	Mức độ tiếp cận về khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất, ổn định đời sống	0	100
	Rất đáp ứng	12	6,0		Rất nhiều	4	2,
	Đáp ứng	104	52,0		Nhiều	38	19,0
	Trung bình	77	38,5		Trung bình	71	35,5
	Không đáp ứng	5	2,5		Ít	62	31,0
	Rất không đáp ứng	2	1,0		Rất ít	25	12,5
Mức độ trung bình		3,60		Mức độ trung bình		2,67	
4	Tính minh bạch thông tin của phương án bố trí ổn định dân cư	200	100	8	Tác động của bố trí dân cư đối với đời sống của đồng bào DTTS	200	100
	Rất tốt	26	0		Rất tích cực	16	8,0
	Tốt	89	0		Tích cực	103	51,5
	Trung bình	85	42,5		Trung bình	76	38,0
	Kém	0	44,5		Không tích cực	5	2,5
	Rất kém	0	13,0		Rất không tích cực	0	0,0
Mức độ trung bình		3,71		Mức độ trung bình		3,65	

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra.

Số liệu Bảng 5 cho thấy, tỷ lệ cán bộ được tham gia tập huấn về bố trí dân cư rất thấp với 16,7% cán bộ cấp tỉnh, huyện và 11,7% cán bộ cấp xã, thôn. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực dành cho công tác đào tạo, tập huấn còn hạn chế, trong khi nội dung bố trí, ổn định dân cư thường được lồng ghép chung trong các chương trình tập huấn đa ngành, dẫn đến số lượng lớp chuyên đề chuyên sâu chưa nhiều và phạm vi tiếp cận của cán bộ cơ sở còn hẹp. Việc tham gia học tập kinh nghiệm các mô hình bố trí ổn định dân cư thực hiện tương đối tốt với 86,7% cán bộ cấp tỉnh, huyện và 58,3% cán bộ cấp xã, thôn. Trên địa bàn tỉnh Sơn La chỉ thực hiện hình thức bố trí ổn định dân cư tập trung

mà không thực hiện hình thức xen ghép, tại chỗ trong quá trình thực hiện.

Khả năng ứng phó với thiên tai của đồng bào DTTS&MN tại địa phương còn hạn chế (mức độ đánh giá trung bình đạt 3,32 đến 3,63) do hạn chế về mặt nhận thức. Vì vậy, cần thiết phải tăng cường hơn nữa công tác tập huấn, tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai. Vẫn còn một tỷ lệ nhỏ cán bộ cho rằng phương án bố trí ổn định dân cư ít phù hợp với phong tục tập quán của địa phương mà nguyên nhân chủ yếu là việc dung hòa giữa yêu cầu quy hoạch và điều kiện, thói quen sản xuất truyền thống của đồng bào DTTS&MN.

Phần lớn cán bộ nhận định người dân chấp

hành tốt phương án bố trí ổn định dân cư (mức trung bình đạt từ 3,5 – 3,6). Tuy nhiên, số ít còn chưa thực sự hài lòng do tâm lý e ngại việc thay đổi nơi ở hoặc do thiếu đất sản xuất, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, chính sách hỗ trợ chưa thỏa mãn yêu cầu. Kết quả điều tra chỉ ra một số yếu tố chính tác động đến hiệu quả bố trí ổn định dân cư, trong đó quan trọng nhất là nguồn kinh phí (56,7% ở cấp tỉnh/huyện và 45,0% ở cấp xã/thôn).

Số liệu Bảng 6 cho thấy 100% người dân được khảo sát đều nhận thức được việc triển khai quy hoạch bố trí ổn định dân cư tại địa phương, phản ánh mức độ công khai và minh bạch trong thực hiện các chủ trương, chính sách của chính quyền. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân tham gia đóng góp ý kiến vào phương án bố trí ổn định dân cư còn thấp (39,0%), chủ yếu do hạn chế về trình độ nhận thức tâm lý e ngại khi tham gia vào các nội dung mang tính quy hoạch.

Phần lớn người dân đánh giá phương án bố trí ổn định dân cư tương đối phù hợp với phong tục, tập quán địa phương, với điểm trung bình đạt 4,18. Mặc dù vậy, vẫn còn một bộ phận nhỏ cho rằng phương án chưa thật sự phù hợp, nguyên nhân xuất phát từ đặc thù canh tác và tập quán cư trú riêng của một số cộng đồng chưa được lồng ghép đầy đủ trong quá trình xây dựng phương án. Mức độ phù hợp của phương án bố trí đất sản xuất nông, lâm nghiệp và mức độ đáp ứng của cơ sở hạ tầng đều được đánh giá ở mức khá (điểm trung bình 3,60), song việc bố trí đất sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do địa hình chia cắt, độ dốc lớn và quỹ đất hạn chế.

Khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất của người dân còn hạn chế, với mức đánh giá trung bình đạt 2,67, chủ yếu do tập quán canh tác truyền thống, trình độ nhận thức còn thấp và sự hỗ trợ chưa đồng bộ từ các chương trình khuyến nông, đào tạo kỹ thuật cũng như thiếu vốn đầu tư ban đầu. Nhìn chung, phương án bố trí ổn định dân cư được người dân đánh giá có tác động tích cực đến đời sống và sinh kế lâu dài (điểm trung bình 3,65), tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến chưa đồng thuận do tâm lý e ngại thay đổi nơi ở, bố trí đất sản xuất chưa hợp lý và mức độ hỗ trợ còn hạn chế.

3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư

3.4.1. Một số tồn tại trong công tác bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh

- Tiến độ thực hiện chậm: Tính đến tháng 5 năm 2025 mới hoàn thành được 33/64 dự án với tỷ lệ hộ được bố trí đạt 52,9%. Nguyên nhân là do quy trình thủ tục đầu tư xây dựng kéo dài, thời tiết khắc nghiệt (mưa bão), địa hình chia cắt, thiếu hụt quỹ đất gây khó khăn trong việc lựa chọn điểm bố trí phù hợp và tiến hành thi công dự án.

- Vấn đề bố trí hợp lý đất sản xuất nông, lâm nghiệp để ổn định và phát triển sinh kế cho người dân luôn là thách thức lớn trong thực hiện bố trí ổn định dân cư do điều kiện địa hình chia cắt, quỹ đất hạn chế.

- Đa số dự án tái định cư hiện nay sử dụng vốn ngân sách Trung ương, địa phương. Trong bối cảnh nguồn lực công hạn chế, việc triển khai đồng thời nhiều dự án còn gặp khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các điểm bố trí ổn định dân cư tập trung chưa thực sự đồng bộ gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc ổn định cuộc sống lâu dài của người dân.

- Trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế, phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt sản xuất lâu đời đã gây khó khăn lớn trong việc dung hòa mục tiêu của bố trí ổn định dân cư với mong muốn của người dân. Khả năng chủ động ứng phó với thiên tai của đa số đồng bào DTTS&MN thấp do trình độ nhận thức và khả năng tiếp cận thông tin còn hạn chế.

- Đội ngũ người làm công tác bố trí ổn định dân cư các cấp còn thiếu. Việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bố trí dân cư đối với cán bộ cấp xã, thôn chưa đầy đủ, kịp thời và đồng bộ.

3.4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư

- Công tác tổ chức, chỉ đạo: Chủ động, quyết liệt trong công tác lãnh, chỉ đạo đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các dự án. Tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong quy trình thủ tục đầu tư xây dựng.

- Thực hiện đồng bộ bố trí ổn định dân cư với các loại hình quy hoạch, chú trọng bố trí đầy đủ, hợp lý đất sản xuất nông, lâm nghiệp đảm bảo điều kiện cơ bản cho ổn định đời sống, phát triển sản xuất của các hộ gia đình tái định cư. Chủ động, tích cực và hỗ trợ người dân về khoa học kỹ thuật, tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn (đặc biệt là nguồn vốn xã hội hóa) để chủ động thực hiện có hiệu quả mục tiêu các chương trình, dự án

bố trí ổn định dân cư.

- Nghiên cứu phương án bố trí đất đai phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào DTTS&MN, cân đối quỹ đất đai đảm bảo nhu cầu sản xuất tối thiểu của người dân. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu một cách đồng bộ đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền nhận thức cho người dân trong ứng phó với thiên tai và sự cần thiết của bố trí ổn định dân cư phòng tránh thiên tai. Cần nghiên cứu lồng ghép, tích hợp một cách hợp lý, triệt để các vấn đề liên quan đến phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt, sản xuất của đồng bào DTTS&MN trong phương án bố trí ổn định dân cư.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tham quan, học tập chia sẻ kinh nghiệm cho người làm công tác bố trí ổn định dân cư (đặc biệt cấp xã, thôn) để nâng cao hiệu quả trong công tác chuyên môn tại địa bàn.

4. KẾT LUẬN

Giai đoạn 2021–5/2025, tỉnh Sơn La đã triển khai 64 dự án bố trí ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao về thiên tai; trong đó hoàn thành 33 dự án và bố trí ổn định cho 1.351 hộ dân, đạt khoảng 52,9% kế hoạch, chủ yếu theo hình thức tái định cư tập trung. Hệ thống hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện và nước sinh hoạt được đầu tư tương đối đồng bộ; các chính sách hỗ trợ về đất ở, nhà ở, di chuyển và phát triển sản xuất cơ bản được thực hiện đầy đủ; nguồn vốn đầu tư được giải ngân gần như hoàn toàn. Nhờ đó, đời sống và sinh kế của người dân sau tái định cư được cải thiện rõ rệt, với thu nhập bình quân đạt khoảng 105 triệu đồng/hộ/năm và tỷ lệ tiếp cận điện, nước sạch đạt 100%, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân vùng thiên tai. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện chương trình còn chậm so với mục tiêu đề ra; quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn do quỹ đất bố trí, đặc biệt là đất sản xuất, còn hạn hẹp, thủ tục đầu tư kéo dài và nguồn lực thực hiện chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Sinh kế của một bộ phận hộ dân sau tái định cư chưa thật sự bền vững; khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật, vốn tín dụng và mức độ phù hợp của phương án bố trí dân cư với phong tục, tập quán địa phương còn hạn chế; năng lực và số lượng cán bộ cơ sở

chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Trong thời gian tới, tỉnh Sơn La cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác bố trí ổn định dân cư vùng đồng bào DTTS&MN, trọng tâm là tăng cường chỉ đạo, điều hành, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, nâng cao nhận thức cộng đồng, hỗ trợ phát triển sinh kế và bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Lời cảm ơn

Bài báo sử dụng một phần số liệu và kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quy hoạch bố trí ổn định dân cư địa bàn hay xảy ra thiên tai vùng đồng bào DTTS&MN”. Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) và Ban chủ nhiệm đề tài đã hỗ trợ để nhóm tác giả hoàn thành bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ủy ban Dân tộc (2021). Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn 1: từ năm 2021-2025).
- [2]. Đinh Thị Hải Vân (2014). Nâng cao năng lực cộng đồng: Bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH. Sách tham khảo. NXB Nông nghiệp.
- [3]. Đinh Thị Hải Vân & Nguyễn Thị Út (2015). Tác động của biến đổi khí hậu tới trồng trọt tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 3 về biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp tại khu vực châu Á gió mùa. Khách sạn Sanur Paradise Plaza, Bali, Indonesia.
- [4]. Đinh Thị Hải Vân & Trần Đức Viên (2010). Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và khả năng thích ứng của người dân. Kỷ yếu Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ 3 năm 2010. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- [5]. Đỗ Văn Viện, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Thị Thu Hương, Đồng Đạo Dũng & Nguyễn Hải Núi (2016). Phát triển sinh kế bền vững vùng đồng bào các DTTS ở tỉnh Quảng Ngãi. NXB Đại học Nông nghiệp.
- [6]. Lejano RP, H.C. & Berkes F (2021). Co-production of risk knowledge and improvement of risk communication: A threelegged stool. Int J Disaster Risk Reduct. 64: 102508.
- [7]. Ngô Quang Sơn & Nguyễn Văn Sương (2021). Giải pháp tổng thể ứng phó với BĐKH và nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Văn hóa. 24- 31.
- [8]. UBND tỉnh Sơn La (2021-2025). Báo cáo số 217/BC-UBND của UBND tỉnh Sơn La về Kết quả thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg.
- [9]. Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes, Archives of Psychology. New York University, USA. Archives of Psychology. 8-2.